

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:13/2018/DS-ST
Ngày: 23/4/2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Hồng.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Thanh Thủy;

2/ Ông Phùng Văn Minh;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Tuấn Phan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2017/TLST-DS, ngày 16 tháng 11 năm 2017, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXX-ST, ngày 19 tháng 3 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐHPT-DS ngày 05/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Lê K, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số 372, ấp B, xã L, huyện T, Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê K: Luật sư Lê Văn L – Công ty Luật TNHH S –MK

2/ Bị đơn: Ông Bùi T, sinh năm: 1969;

Bà Trần H, sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Số 02A, NTT, ấp B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông K có mặt, ông T và bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ghi ngày 27/10/2017 và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, ông Lê K, như sau:

Ngày 04/12/2015 ông có cho vợ chồng ông Bùi T và bà Trần H vay số tiền 160.000.000đ không tính lãi suất, thời gian vay là 10 ngày. Để đảm bảo cho việc vay tiền thì ông T có viết giấy tay “giấy mượn tiền” đề ngày 04/12/2015 có ông T và bà H cùng ký tên. Nhưng đến hạn trả nợ, ông T và bà H không trả tiền cho ông như đã cam kết. Ông có nhiều lần yêu cầu ông T và bà H trả nhưng ông T và bà H hứa nhưng không thực hiện

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông T và bà H liên đới trả tiền vốn vay 160.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Thời hạn trả là khi án có hiệu lực pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, luật sư Lê Văn L trình bày: Căn cứ vào hồ sơ vụ án thì việc ông T và bà H vay tiền của ông K được lập thành văn bản là giấy tay do ông T và bà H cùng ký nhận, thời hạn vay là 10 ngày nhưng ông T và bà H cứ hẹn, mặc dù vẫn ở địa phương nhưng lợi dụng lòng tin của ông K nên ông T và bà H vay tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông T và bà H không đến tham dự phiên tòa có nghĩa là đã thừa nhận việc có vay tiền của ông K, việc khởi kiện của ông K là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K buộc ông T và bà H phải liên đới trả cho ông K số tiền vay 160.000.000đ.

2. Bị đơn, ông Bùi T và bà Trần H, vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến như nội dung tóm tắt của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ngày 27/10/2017 Lê K khởi kiện yêu cầu ông Bùi T và bà Trần H liên đới trả lại số tiền vay 160.000.000đ làm phát sinh quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông T và bà H cư trú tại huyện Tân Trụ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Bùi T và bà Trần H đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Theo giấy mượn tiền viết tay ngày 04/12/2015 thể hiện việc ông Bùi T và bà Trần H có vay của ông Lê K số tiền 160.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày. Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên hòa giải cho ông T và bà H. Tuy nhiên ông T và bà H không có đến tham dự các phiên hòa giải cũng như phiên tòa để đưa ra ý kiến gì, xét việc không có ý kiến phản đối gì của ông T và bà H, nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó có căn cứ xác định ông T và H có vay của ông K số tiền 160.000.000đ, chưa trả được khoản tiền nào. Nay ông K yêu cầu ông T và bà H liên đới trả 160.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận. Ông K không yêu cầu tính lãi suất, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Bùi T và bà Trần H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Bùi T và bà Trần H phải liên đới trả cho ông Lê K số tiền vốn vay còn nợ 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn trả khi án có hiệu lực pháp luật. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê K, nếu chậm thi hành, ông Bùi T và bà Trần H còn phải liên đới trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi T và bà Trần H phải liên đới nộp 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Ông Lê K không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông

K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) theo biên lai số 04924, ngày 16/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/4/2018). Bị đơn, vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CCTHA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Hồng